

V/v Yêu cầu báo giá gói thầu Cải tạo,
nâng cấp hệ thống khí y tế phục vụ
khám, điều trị bệnh nhân

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Cải tạo, nâng cấp hệ thống khí y tế phục vụ khám, điều trị bệnh nhân với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ks: Nguyễn Đức Hưng - Trưởng phòng Vật tư thiết bị y tế. Số điện thoại: 0912 740 027

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư thiết bị y tế - Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La - Tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

- Nhận qua email: vttbytbenhviensonla@gmail.com (Bản scan báo giá gốc, file mềm thông số kỹ thuật (Docx, xlxs, pdf, ...)).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 09/11/2023 đến trước 16h30 ngày 20/11/2023. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 20/11/2023

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế:

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|--|----------|-------------|
| I | Cải tạo, nâng cấp hệ thống khí cho khoa Hồi sức tích cực-chống độc | | | |
| 1 | Ổ khí ra cho oxy | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 11 | Bộ |
| 2 | Ổ khí ra cho khí nén | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 19 | Bộ |
| 3 | Ổ khí ra cho khí hút | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 9 | Bộ |
| 4 | Hộp đầu giường | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 36 | m |

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-------|---|--|----------|-------------|
| 5 | Vật tư đi kèm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | | |
| 5.1 | Ống đồng ĐK 10mm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 58 | m |
| 5.2 | Ống đồng ĐK 12mm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 111 | m |
| 5.3 | Ống đồng ĐK 15mm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 5 | m |
| 5.4 | Phụ kiện ống đồng(Nối đồng, cút đồng, T đồng, côn thu) | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 1 | Lô |
| 5.5 | Vật tư phụ khác (vít, nở, đai kép...) | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 1 | Bộ |
| 5.6 | Van Khóa ĐK 12 | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 4 | Bộ |
| 5.7 | Van Khóa ĐK 15 | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 2 | Lô |
| 5.8 | Chi phí kiểm định và vật tư khác | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | | |
| 5.8.1 | Di chuyển hộp đầu giường (OAV) từ khoa thận sang | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 3 | Cái |
| 5.8.2 | Gas hàn | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 5 | Bình |
| 5.8.3 | Que hàn | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 7 | Kg |
| 5.8.4 | Gen hộp | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 15 | m |
| 5.8.5 | Khí Oxy | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 4 | Bình |
| 5.8.6 | Khí Nito | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 4 | Bình |
| 5.8.7 | Chi phí kiểm định | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 1 | Lần |
| 6 | Thiết bị ngoại vi | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | | |
| 6.1 | Bộ điều chỉnh lưu lượng oxy kèm bình làm ấm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 4 | Bộ |
| II | Cải tạo, nâng cấp hệ thống khí cho khoa Nhi | | | |
| 1 | Ô khí ra cho oxy | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 17 | Bộ |
| 2 | Ô khí ra cho khí nén | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 5 | Bộ |

| STT | Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-------|---|--|----------|-------------|
| 3 | Ổ khí ra cho khí hút | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 13 | Bộ |
| 4 | Hộp dầu giường | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 9 | m |
| 5 | Vật tư đi kèm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | | |
| 5.1 | Ống đồng ĐK 10mm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 24 | m |
| 5.2 | Ống đồng ĐK 12mm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 80 | m |
| 5.3 | Ống đồng ĐK 15mm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 40 | m |
| 5.4 | Ống đồng ĐK 22mm | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 12 | m |
| 5.5 | Phụ kiện ống đồng(Nối đồng, cắt đồng, T đồng, côn | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 1 | Lô |
| 5.6 | Vật tư phụ khác (vít, nở, đai kép...) | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 1 | Lô |
| 5.7 | Van Khóa ĐK 12 | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 12 | Bộ |
| 5.8 | Chi phí kiểm định và vật tư khác | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | | |
| 5.8.1 | Gas hàn | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 5 | Bình |
| 5.8.2 | Que hàn | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 6 | Kg |
| 5.8.3 | Gen hộp | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 20 | m |
| 5.8.4 | Khí Oxy | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 6 | Bình |
| 5.8.5 | Khí Nitơ | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 6 | Bình |
| 5.8.6 | Chi phí kiểm định | Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo | 1 | Lần |

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo hành, bảo quản, bảo hành bảo trì,... thiết bị y tế: Mô tả cụ thể tại Phụ Lục 01. Bảng mô tả đính kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 24 giờ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm toàn bộ quá trình bàn giao, chạy thử, nghiệm thu hợp đồng)

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo số lượng thực tế mua sắm.

5. Các thông tin khác (nếu có):

5.1. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Đăng ký kinh doanh;
- Số điện thoại/Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.
- Báo giá (theo mẫu đính kèm).
- Hợp đồng mua bán các thiết bị tương tự (nếu có).
- Catalog, hợp đồng tương tự, cấu hình và tính năng kỹ thuật của thiết bị và các tài liệu khác liên quan (nếu có).

5.2. Các quy định đối với báo giá:

- Báo giá có đầy đủ các nội dung, theo biểu mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH SƠN LA
GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng ĐD (đăng Website Bệnh viện);
- Lưu: VT, VTTBYT Anh (3b).

Đỗ Xuân Thụ

Phụ lục 01. Bảng mô tả

(Kèm theo Công văn yêu cầu báo giá số /BVĐKT-VTTBYT ngày tháng 11 năm 2023)

| STT | Tên Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|----------|--|--|----------|-------------|
| I | Cải tạo, nâng cấp hệ thống khí cho khoa Hồi sức tích cực- chống độc | | | |
| 1 | Ổ khí ra cho oxy | - Chuẩn đầu cắm DIN - Các bề mặt ổ khí nơi mà khí đi qua được tạo ra bằng đồng thau và miếng đệm không phản ứng với khí y tế. Bu lông, vòng tròn và lò xo trong ổ khí được làm bằng thép không gỉ. Các bộ phận bên ngoài được làm bằng vật liệu polyemid thủy tinh được hỗ trợ bằng công nghệ ép phun. Công nghệ đúc ép khuôn mang lại lợi thế về chất lượng thành phẩm giống nhau. Các ổ khí chống sốc, ăn mòn và chống cháy. Công nghệ gioăng silicone bên trong cung cấp độ kín 100%. Van một chiều tích hợp cho phép tháo phần trên và các cụm ổ cắm để bảo trì mà không làm gián đoạn nguồn cung cấp khí. Bộ lọc bằng thép không gỉ trong viên nang ngăn chặn rò rỉ chất bẩn từ hệ thống đường ống dẫn đến bệnh nhân và thiết bị y tế. | 11 | Bộ |
| 2 | Ổ khí ra cho khí nén | - Chuẩn đầu cắm DIN - Các bề mặt ổ khí nơi mà khí đi qua được tạo ra bằng đồng thau và miếng đệm không phản ứng với khí y tế. Bu lông, vòng tròn và lò xo trong ổ khí được làm bằng thép không gỉ. Các bộ phận bên ngoài được làm bằng vật liệu polyemid thủy tinh được hỗ trợ bằng công nghệ ép phun. Công nghệ đúc ép khuôn mang lại lợi thế về chất lượng thành phẩm giống nhau. Các ổ khí chống sốc, ăn mòn và chống cháy. Công nghệ gioăng silicone bên trong cung cấp độ kín 100%. Van một chiều tích hợp cho phép tháo phần trên và các cụm ổ cắm để bảo trì mà không làm gián đoạn nguồn cung cấp khí. Bộ lọc bằng thép không gỉ trong viên nang ngăn chặn rò rỉ chất bẩn từ hệ thống đường ống dẫn đến bệnh nhân và thiết bị y tế | 19 | Bộ |
| 3 | Ổ khí ra cho khí hút | - Chuẩn đầu cắm DIN - Các bề mặt ổ khí nơi mà khí đi qua được tạo ra bằng đồng thau và miếng đệm không phản ứng với khí y tế. Bu lông, vòng tròn và lò xo trong ổ khí được làm bằng thép không gỉ. Các bộ phận bên ngoài được làm bằng vật liệu polyemid thủy tinh được hỗ trợ bằng công nghệ ép phun. Công nghệ đúc ép khuôn mang lại lợi thế về chất lượng thành phẩm giống nhau. | 9 | Bộ |

| STT | Tên Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|---|---|----------|-------------|
| | | Các ô khí chống sốc, ăn mòn và chống cháy. Công nghệ gioăng silicone bên trong cung cấp độ kín 100%. Van một chiều tích hợp cho phép tháo phần trên và các cụm ổ cắm để bảo trì mà không làm gián đoạn nguồn cung cấp khí. Bộ lọc bằng thép không gỉ trong viên nang ngăn chặn rò rỉ chất bẩn từ hệ thống đường ống dẫn đến bệnh nhân và thiết bị y tế. | | |
| 4 | Hộp đầu giường | <ul style="list-style-type: none"> - Làm bằng nhôm định hình - Có 02 ổ điện, ổ chờ để lắp đầu ra lấy khí cho mỗi giường bệnh nhân - Có 3 khoang riêng biệt để đi đường ống khí y tế và đường điện - Kích thước 1200mm x 230mm | 36 | m |
| 5 | Vật tư đi kèm | | | |
| 5.1 | Ống đồng Đường kính 10mm | Ống đồng Đường kính 10mm | 58 | m |
| 5.2 | Ống đồng Đường kính 12mm | Ống đồng Đường kính 12mm | 111 | m |
| 5.3 | Ống đồng Đường kính 15mm | Ống đồng Đường kính 15mm | 5 | m |
| 5.4 | Phụ kiện ống đồng(Nối đồng, cắt đồng, T đồng, côn thu) | Phụ kiện ống đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Măng xông Đường kính 10mm :45 cái - Măng xông Đường kính 12mm: 80 cái - Măng xông Đường kính 15mm : 10 cái - Cút góc Đường kính 12mm : 160 cái - Cút góc Đường kính 15mm : 50 cái - Tê Đường kính 12mm :90 cái - Tê Đường kính 15mm : 40 cái - Côn thu 15mm-12mm : 90 cái | 1 | Lô |
| 5.5 | Vật tư phụ khác (vít, nở, đai kép...) | Vật tư phụ khác: <ul style="list-style-type: none"> Vít+ nở 8 : 400 cái Đai ôm Omega 12mm : 100 bộ | 1 | Bộ |

| STT | Tên Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|------------|--|---|----------|-------------|
| | | Đai ôm Omega 15mm : 60 bộ Càng cua 12mm : 80 bộ Càng cua 15mm : 36 bộ Ty treo 8mm : 200 m | | |
| 5.6 | Van Khóa Đường kính 12 | Van Khóa Đường kính 12 | 4 | Bộ |
| 5.7 | Van Khóa Đường kính 15 | Van Khóa Đường kính 15 | 2 | Lô |
| 5.8 | Chi phí kiểm định và vật tư khác | | | |
| 5.8.1 | Di chuyển hộp đầu giường (OAV) từ khoa thận sang | Di chuyển hộp đầu giường (OAV) từ khoa thận sang | 3 | Cái |
| 5.8.2 | Gas hàn | Gas hàn: Bình dung tích 40 lít | 5 | Bình |
| 5.8.3 | Que hàn | Que hàn | 7 | Kg |
| 5.8.4 | Gen hộp | Gen hộp kích thước 40x100mm | 15 | m |
| 5.8.5 | Khí Oxy | Khí Oxy: Bình dung tích 40 lít | 4 | Bình |
| 5.8.6 | Khí Nito | Khí Nito: Bình dung tích 40 lít | 4 | Bình |
| 5.8.7 | Chi phí kiểm định | Chi phí kiểm định | 1 | Lần |
| 6 | Thiết bị ngoại vi | | | |
| 6.1 | Bộ điều chỉnh lưu lượng oxy kèm bình làm ấm | <ul style="list-style-type: none"> - Đầu cắm tương thích với ổ cắm - Lưu lượng điều chỉnh: 0-15 lít phút - Có van an toàn cảnh báo khi áp lực đầu vào cao - Nhiệt độ tiết trùng bình làm ấm tới 134 độ C - Kích thước: 33x8,5x14cm - Trọng lượng: 550gr | 4 | Bộ |
| II | Cải tạo, nâng cấp hệ thống khí cho khoa Nhi | | | |

| STT | Tên Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|-----------------------------|--|----------|-------------|
| 1 | Ổ khí ra cho oxy | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn đầu cắm DIN - Các bề mặt ổ khí nơi mà khí đi qua được tạo ra bằng đồng thau và miếng đệm không phản ứng với khí y tế. Bu lông, vòng tròn và lò xo trong ổ khí được làm bằng thép không gỉ. Các bộ phận bên ngoài được làm bằng vật liệu polyemid thủy tinh được hỗ trợ bằng công nghệ ép phun. Công nghệ đúc ép khuôn mang lại lợi thế về chất lượng thành phẩm giống nhau. Các ổ khí chống sóc, ăn mòn và chống cháy. Công nghệ gioăng silicone bên trong cung cấp độ kín 100%. Van một chiều tích hợp cho phép tháo phần trên và các cụm ổ cắm để bảo trì mà không làm gián đoạn nguồn cung cấp khí. Bộ lọc bằng thép không gỉ trong viên nang ngăn chặn rò rỉ chất bẩn từ hệ thống đường ống dẫn đến bệnh nhân và thiết bị y tế. | 17 | Bộ |
| 2 | Ổ khí ra cho khí nén | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn đầu cắm DIN - Các bề mặt ổ khí nơi mà khí đi qua được tạo ra bằng đồng thau và miếng đệm không phản ứng với khí y tế. Bu lông, vòng tròn và lò xo trong ổ khí được làm bằng thép không gỉ. Các bộ phận bên ngoài được làm bằng vật liệu polyemid thủy tinh được hỗ trợ bằng công nghệ ép phun. Công nghệ đúc ép khuôn mang lại lợi thế về chất lượng thành phẩm giống nhau. Các ổ khí chống sóc, ăn mòn và chống cháy. Công nghệ gioăng silicone bên trong cung cấp độ kín 100%. Van một chiều tích hợp cho phép tháo phần trên và các cụm ổ cắm để bảo trì mà không làm gián đoạn nguồn cung cấp khí. Bộ lọc bằng thép không gỉ trong viên nang ngăn chặn rò rỉ chất bẩn từ hệ thống đường ống dẫn đến bệnh nhân và thiết bị y tế | 5 | Bộ |
| 3 | Ổ khí ra cho khí hút | <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn đầu cắm DIN - Các bề mặt ổ khí nơi mà khí đi qua được tạo ra bằng đồng thau và miếng đệm không phản ứng với khí y tế. Bu lông, vòng tròn và lò xo trong ổ khí được làm bằng thép không gỉ. Các bộ phận bên ngoài được làm bằng vật liệu polyemid thủy tinh được hỗ trợ bằng công nghệ ép phun. Công nghệ đúc ép khuôn mang lại lợi thế về chất lượng thành phẩm giống nhau. Các ổ khí chống sóc, ăn mòn và chống cháy. Công nghệ gioăng silicone bên trong cung cấp độ kín 100%. Van một chiều tích hợp cho phép tháo phần trên và các cụm ổ cắm để bảo trì mà không làm gián đoạn nguồn cung cấp khí. Bộ lọc bằng thép không gỉ trong viên nang ngăn chặn rò rỉ chất bẩn từ hệ thống đường ống dẫn đến bệnh nhân và thiết bị y tế. | 13 | Bộ |

| STT | Tên Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|--|---|----------|-------------|
| 4 | Hộp đầu giường | - Làm bằng nhôm định hình - Có 02 ổ điện, ổ chờ để lắp đầu ra lấy khí cho mỗi giường bệnh nhân - Có 3 khoang riêng biệt để đi đường ống khí y tế và đường điện - Kích thước 1200mm x 230mm | 9 | m |
| 5 | Vật tư đi kèm | | | |
| 5.1 | Ống đồng Đường kính 10mm | Ống đồng Đường kính 10mm | 24 | m |
| 5.2 | Ống đồng Đường kính 12mm | Ống đồng Đường kính 12mm | 80 | m |
| 5.3 | Ống đồng Đường kính 15mm | Ống đồng Đường kính 15mm | 40 | m |
| 5.4 | Ống đồng Đường kính 22mm | Ống đồng Đường kính 22mm | 12 | m |
| 5.5 | Phụ kiện ống đồng(Nối đồng, cắt đồng, T đồng, côn | Phụ kiện ống đồng: - Măng xông Đường kính 10mm : 20 cái - Măng xông Đường kính 12mm: 40 cái - Măng xông Đường kính 15mm : 20 cái - Cút góc Đường kính 12mm : 40 cái - Cút góc Đường kính 15mm : 50 cái - Tê Đường kính 12mm : 35 cái - Tê Đường kính 15mm : 35 cái - Côn thu 15mm-12mm : 30 cái | 1 | Lô |
| 5.6 | Vật tư phụ khác (vít, nở, đai kép...) | Vật tư phụ khác: Vít+ nở 8 : 200 bộ Đai ôm Omega 12mm : 60 cái Đai ôm Omega 15mm : 40 cái | 1 | Lô |

| STT | Tên Danh mục | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng | Đơn vị tính |
|------------|---|--|----------|-------------|
| | | Càng cua 12mm : 35 bộ Càng cua 15mm : 35 bộ Ty treo 8mm : 150 m | | |
| 5.7 | Van Khóa Đường kính 12 | Van Khóa Đường kính 12 | 12 | Bộ |
| 5.8 | Chi phí kiểm định và vật tư khác | | | |
| 5.8.1 | Gas hàn | Gas hàn: Bình dung tích 40 lít | 5 | Bình |
| 5.8.2 | Que hàn | Que hàn | 6 | Kg |
| 5.8.3 | Gen hộp | Gen hộp kích thước 40x100mm | 20 | m |
| 5.8.4 | Khí Oxy | Khí Oxy: Bình dung tích 40 lít | 6 | Bình |
| 5.8.5 | Khí Nito | Khí Nito: Bình dung tích 40 lít | 6 | Bình |
| 5.8.6 | Chi phí kiểm định | Chi phí kiểm định | 1 | Lần |

Ghi chú:

- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, bảo quản thiết bị y tế:
 - Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La – Tổ 17, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
 - Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt:
 - + Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng: Hàng hóa phải còn nguyên đai nguyên kiện. Nhà cung cấp phải đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu và khuyến cáo của nhà sản xuất để tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm giao nhận cuối cùng.
 - + Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm dự án, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do nhà thầu thực hiện; Các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
- Chất lượng hàng hóa và các yêu cầu khác:
 - Thiết bị, hàng hóa mới 100% theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
 - Thời gian bảo hành, đổi trả nếu có lỗi theo quy định của nhà sản xuất.

Phụ lục 2: Mẫu báo giá

(Kèm theo Công văn yêu cầu báo giá số /BVĐKT-VTTBYT ngày /8/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: **BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH SON LA**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá công văn số /BVĐKT-VTTBYT ngày /8/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

| STT | Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾ | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾ | Mã HS ⁽⁴⁾ | Năm sản xuất ⁽⁵⁾ | Xuất xứ ⁽⁶⁾ | Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾ | Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND) | Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND) |
|-----|---------------------------------------|--|----------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------------|--|--|----------------------------------|
| 1 | Thiết bị A | | | | | | | | | |
| 2 | Thiết bị B | | | | | | | | | |
| n | ... | | | | | | | | | |

* (Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., ngày... tháng...năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.